

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 11 - 2018
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Hồng Quân.
2. Ông Lê Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Khánh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

Ngày 07 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 341/2018/TLST-HNGD ngày 15 tháng 10 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2018/QĐXX-ST ngày 01 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp NQ, xã VT, huyện LV, tỉnh ĐT;

- Bị đơn: Anh Trần Tấn L, sinh năm 1970; địa chỉ: ấp NQ, xã VT, huyện LV, tỉnh ĐT.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 9 năm 2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 1998 chị N và anh L chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Chị N và anh L chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm ai, từ tháng 9/2017 cho đến nay vợ chồng đã sống xa nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng

không còn nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh Trần Tấn L.

Về con chung: Quá trình chung sống chị N và anh L có 02 con chung tên Trần Quốc V, sinh năm 1999 và Trần Thiên Nh, sinh ngày 09/9/2009, con hiện nay anh L đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị N đồng ý giao con chung tên Trần Thiên Nh, sinh ngày 09/9/2009 cho anh L được tiếp tục nuôi dưỡng và chị N không phải cấp dưỡng. Riêng con chung tên Trần Quốc V, sinh năm 1999 đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn anh Trần Tấn L trình bày:

Về hôn nhân: Anh Trần Tấn L và chị Nguyễn Thị N sống chung như vợ chồng từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau và từ tháng 9/2017 chị N đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh L cũng đồng ý.

Về con chung: Quá trình sống chung anh L và chị N có 02 con chung tên Trần Quốc V, sinh năm 1999 và Trần Thiên Nh, sinh ngày 09/9/2009, con hiện đang do anh L nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn con tên Trần Quốc V đã trưởng thành tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn con chung tên Trần Thiên Nh, anh đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Thống nhất để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Trần Tấn L và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con sau khi ly hôn” và bị đơn có hộ khẩu và cư trú tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Tấn L đều thừa nhận anh chị sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1998 trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình sống chung anh chị đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên yêu cầu Toà án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Xét thấy, việc chị N và anh L sống chung với nhau như vợ chồng và có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn nên theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Toà án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng”. Do đó, không công nhận chị Nguyễn Thị N và anh Trần Tấn L là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Tấn L thống nhất có 02 con chung tên Trần Quốc V, sinh năm 1999 và Trần Thiên Nh, sinh ngày 09/9/2009, hiện nay đang sống chung với anh L. Sau khi ly hôn con chung tên Trần Quốc V đã trưởng thành tự lao động được nên không yêu cầu Toà án giải quyết, còn con chung tên Trần Thiên Nh, mặc dù cháu có nguyện vọng được sống với chị Nga nhưng xét về điều kiện để nuôi con nên chị N và anh L thoả thuận thống nhất giao con chung tên Trần Thiên Nh cho anh L được trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy sự thoả thuận của các đương sự phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh L không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Tấn L đều thống nhất để vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết

[6] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Tấn L đều thống nhất không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí là 300.000đ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án. Anh Trần Tấn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14, khoản 2 Điều 53, 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị N và anh Trần Tấn L là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thoả thuận của chị Nguyễn Thị N và anh Trần Tấn L giao con chung tên Trần Thiên Nh, sinh ngày 09/9/2009 cho anh Trần Tấn L được trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung anh Trần Tấn L không yêu cầu chị Nguyễn Thị N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, anh Trần Tấn L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở và chị Nguyễn Thị N không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con của anh Trần Tấn L.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Tấn L thống nhất để vợ chồng tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Tấn L thống nhất không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp theo biên lai số 0003155 ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

6. Trong hạn 15 ngày (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án hôm nay các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lấp Vò;
- Chi cục THADS H.Lấp Vò;
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Văn Nội